

Bản án số: 06/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 13-8-2020

“V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ PHÚ THỌ - TỈNH PHÚ THỌ

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Hà Thu Hiền

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Lê Xuân Trường

2. Bà Nguyễn Thị Tình

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Đặng Trần Hoàng - Thư ký Toà án nhân dân thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa:** Bà Vũ Thị Thu Huyền - Kiểm sát viên

Ngày 13 tháng 8 năm 2020, tại Trụ sở Toà án nhân dân thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 04/2020/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 01 năm 2020 về tranh chấp Hôn nhân và gia đình theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2020/QĐXX-ST ngày 09 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Chị Bùi Thị M - sinh năm 1987. (Có mặt)

Địa chỉ: Khu 14, xã H, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

*Bị đơn:* Anh Lê Văn T - sinh năm 1975. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Khu T, xã V, thị xã P, tỉnh Phú Thọ.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện và những lời trình bày tiếp theo tại Toà án, chị Bùi Thị M trình bày: Chị và anh Lê Văn T đăng ký kết hôn ngày 21/4/2010 tại Ủy ban nhân dân xã V, thị xã P, tỉnh Phú Thọ. Trước khi kết hôn hai bên được tự do tìm hiểu, lấy nhau hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc. Sau khi kết hôn, vợ chồng về sống chung cùng gia đình anh T tại khu T, xã V, thị xã P, tỉnh Phú Thọ. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận hạnh phúc. Đến khoảng cuối năm 2012 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng tình tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, bất đồng trong làm ăn kinh tế nên thường

xảy ra cãi nhau, anh T bạo lực đánh chửi chị. Từ cuối năm 2012 đến nay, mâu thuẫn vợ chồng trở nên trầm trọng, chị đã về nhà bố mẹ để sinh sống. Từ đó đến nay, vợ chồng sống ly thân, không quan tâm đến nhau. Nay tình cảm vợ chồng không còn, chị khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lê Văn T.

- Về con chung: Vợ chồng không có con chung.

- Về tài sản chung, công nợ, công sức: Đều không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập họp lệ nhiều lần yêu cầu anh Lê Văn T có mặt tại Trụ sở Tòa án để giải quyết việc chị M khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn nhưng anh T đều vắng mặt không rõ lý do nên không có lời trình bày của anh T tại Tòa và Tòa án không tiến hành hòa giải được theo quy định của pháp luật được.

\*Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phú Thọ có quan điểm giải quyết vụ án như sau:

Về tố tụng: Vụ án được thụ lý đúng quy định của pháp luật. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng. Nguyên đơn chấp hành đúng các quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 4 điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Bùi Thị M và đề nghị Hội đồng xét xử: Xử cho chị Bùi Thị M được ly hôn anh Lê Văn T.

- Về con chung, tài sản chung, công nợ, công sức: Do anh T vắng mặt không có lời trình bày nên các quan hệ trên cần tách ra khi nào có yêu cầu thì giải quyết bằng vụ án dân sự khác.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Bùi Thị M phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa. Trên cơ sở xem xét toàn diện các chứng cứ, qua lời trình bày của nguyên đơn là chị Bùi Thị M, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tranh chấp ly hôn giữa chị Bùi Thị M và anh Lê Văn T là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Anh T có nơi cư trú tại khu T, xã V, thị xã P, tỉnh Phú Thọ nên vụ án thuộc thẩm quyền

giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã P theo quy định tại khoản 1 điều 28, khoản 1 điều 35 và khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật nhưng anh T cố tình lẩn tránh, từ bỏ quyền và nghĩa vụ của mình. Do đó, anh T không đến Tòa trình bày quan điểm của mình nên Tòa án không tiến hành hòa giải được. Phiên tòa ngày 31/7/2020, bị đơn anh Lê Văn T đã được tổng đạt hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự quyết định hoãn phiên tòa. Tại phiên tòa hôm nay, anh Lê Văn T đã được tổng đạt hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 điều 227, khoản 3 điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là anh Lê Văn T.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị M và anh Lê Văn T tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 21/4/2010 tại Ủy ban nhân dân xã V, thị xã P, tỉnh Phú Thọ, do đó là cuộc hôn nhân hợp pháp. Sau khi đăng ký kết hôn, vợ chồng về làm ăn sinh sống tại khu T, xã V, thị xã P, tỉnh Phú Thọ đến khoảng cuối năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, lối sống không hợp nhau nên thường xuyên xảy ra cãi nhau, chị M đã về nhà bố mẹ đẻ ở từ tháng cuối năm 2012 cho đến nay. Từ đó đến nay, vợ chồng sống ly thân, không ai quan tâm đến ai và chấm dứt mọi quan hệ. Nay, chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị M khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn anh T. Đồng thời qua biên bản xác minh tại chính quyền địa phương nơi anh T, chị M sống chung cho rằng: Vợ chồng chị M, anh T kết hôn tại UBND xã V, thị xã P, tỉnh Phú Thọ. Sau khi kết hôn, vợ chồng chị M, anh T về chung sống tại địa phương, quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Hiện nay, chị M, anh T không còn chung sống với nhau nữa. Đặc biệt, quá trình làm việc mặc dù anh T được Tòa án và địa phương triệu tập hợp lệ nhưng đều vắng mặt, qua đó khẳng định anh T không thiết tha để hàn gắn tình cảm. Do vậy, Hội đồng xét xử thấy rằng: Mâu thuẫn vợ chồng giữa chị M và anh T đã trở nên trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc chị M yêu cầu khởi kiện ly hôn là hoàn toàn có căn cứ và phù hợp với khoản 1 điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên cần chấp nhận xử cho chị Bùi Thị M được ly hôn anh Lê Văn T.

[3] Về con chung, tài sản chung, công nợ, công sức: Chị M trình bày không có. Nhưng quá trình giải quyết vụ án, anh T vắng mặt nên không có quan điểm về các quan hệ trên. Do đó, các quan hệ này cần được tách ra khi nào anh T có yêu cầu thì Tòa án xem xét giải quyết bằng một vụ án khác.

[4] Về án phí: Chị Bùi Thị M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 điều 51, khoản 1 điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Xử cho chị Bùi Thị M được ly hôn anh Lê Văn T.

2. *Về án phí*: Chị Bùi Thị M phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002387 ngày 09/01/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã P. Chị Bùi Thị M đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, chị M có mặt có quyền kháng cáo. Anh T vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày giao hoặc niêm yết bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử phúc thẩm.

**Nơi nhận:**

- VKSND thị xã,
- Đương sự;
- Chi cục THADS thị xã;
- Lưu hồ sơ (2bản);
- Lưu văn phòng.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà**

**Hà Thu Hiền**